

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 8 - 2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Châu;
2. Ông Đoàn Thân.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Anh - kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2020/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện Hà T, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Mai Thị H trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên mắng chửi, xúc phạm nhau. Từ tháng 2

năm 2020, chị H và anh T sống ly thân cho đến nay, từ khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị H khai chị và anh T có hai con chung, các cháu tên là Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 28/10/1988 và cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 19/7/1994. Hiện cháu T và cháu T đã thành niên nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai đề ngày 02/7/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Năm 1988 anh và chị H sống chung với nhau nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 02 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên mắng chửi, xúc phạm nhau. Từ cuối tháng 2 năm 2020, chị H và anh T sống ly thân cho đến nay. Nay chị H đề nghị Toà án giải quyết ly hôn anh T cũng đồng ý.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T khai, anh và chị H có hai con chung, các cháu tên là Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 28/10/1988 và cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 19/7/1994. Hiện cháu T và cháu T đã thành niên nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung phát biểu quan điểm: Quá trình nhận đơn khởi kiện, thụ lý, giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Do các đương sự không có đăng ký kết hôn, không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Toà án vẫn

tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Mai Thị H và anh Nguyễn Văn T đều thừa nhận sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cũng xác nhận chị H và anh T sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 1988. Như vậy đủ cơ sở khẳng định, chị H và anh T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1988 và không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì giữa chị H và anh T sống chung với nhau không đăng ký kết hôn là không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị H có yêu cầu ly hôn, cần áp dụng các quy định này và quy định tại khoản 2, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chị H và anh T đều thừa nhận có hai con chung với nhau, các cháu tên là Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 28/10/1988 và cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 19/7/1994. Hiện cháu T và cháu T đã thành niên, chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4]. Về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị Mai Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Mai Thị H và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Mai Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0000142 ngày 17/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trịnh Thanh Hương